BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN TÂN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	6.600
2	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
3	BA GIA	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
4	BA VÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ÂU CƠ	6.600
5	BA VÌ	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	6.600
6	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	8.800
7	BẠCH ĐẰNG 1	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ -BẠCH ĐẰNG 2	6.600
8	BẠCH ĐẰNG 2	NGÃ 3 HỒNG HÀ	CUỐI ĐƯỜNG	7.100
9	BÀNH VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
10	BÀU BÀNG	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	6.600
11	BÀU CÁT	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	12.200
		ĐỒNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	7.700
12	BÀU CÁT 1	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẺM 273 BÀU CÁT	7.500
13	BÀU CÁT 2	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẺM 273 BÀU CÁT	7.500
14	BÀU CÁT 3	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẺM 273 BÀU CÁT	7.500
15	BÀU CÁT 4	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	7.500
16	BÀU CÁT 5	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
17	BÀU CÁT 6	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
18	BÀU CÁT 7	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
19	BÀU CÁT 8	ÂU CƠ	ĐỒNG ĐEN	7.000
		ĐỒNG ĐEN	HỒNG LẠC	5.700
20	BẢY HIỀN	HẺM 1129 LẠC LONG	1017 LẠC LONG QUÂN	9.900
21	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
22	BẾN CÁT	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	5.900
23	BÌNH GIÃ	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	8.800
24	BÙI THỊ XUÂN	HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIÊU LỘC	9.200
25	CA VĂN THỈNH	VÕ THÀNH TRANG	ĐỒNG ĐEN	7.500
26	CỐNG LỞ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	4.000
27	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
28	CHẤN HƯNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HOÀ NỐI DÀI	4.800
29	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	6.400
30	CHÍ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.700
31	CHÍ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	5.700
32	CHỮ ĐỒNG TỬ	BÀNH VĂN TRÂN	VÂN CÔI	5.700
33	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	LĂNG CHA CẢ	13.200
34	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THẾ	9.200
35	CÙ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	6.500
36	DÂN TRÍ	NGHĨA HOÀ	KHAI TRÍ	7.500
37	DƯƠNG VÂN NGA	NGUYỄN BẶC	NGÔ THỊ THU MINH	10.800
38	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	8.800
39	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	5.600
40	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỬ ĐỒNG TỬ	5.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
41	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	6.400
42	ĐỒ SƠN	THĂNG LONG	HẺM SỐ 6 HẢI VÂN	6.600
43	ĐỒNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.700
44	ĐỒNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	8.800
45	ĐỒNG ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
46	ĐỒNG SƠN	VÂN CÔI	BA GIA	7.700
47	ĐỒNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THÁM	7.900
48	ĐINH ĐIỀN	DƯƠNG VÂN NGA	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	6.600
49	ĐƯỜNG A4	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	8.400
50	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
51	THÁI THỊ NHẠN	ÂU CƠ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.300
52	NGÔ THỊ THU MINH	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	9.200
53	ĐƯỜNG 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	5.700
54	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG C12	5.500
55	ĐƯỜNG C1	CỘNG HOÀ	NGUYỄN QUANG BÍCH	5.500
56	ĐƯỜNG C12	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC	5.500
57	ĐƯỜNG C18	CỘNG HOÀ	NGUYỄN THÁI BÌNH	7.700
58	TRẦN VĂN DANH	HẺM 235 ĐƯỜNG HOÀNG HOA THÁM	GIÁP BỜ RÀO SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	5.500
59	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	7.300
60	ĐƯỜNG C27	ĐƯỜNG A4	NGUYỄN BÁ TUYỂN (C29)	5.500
61	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	5.500
62	ĐƯỜNG D50	NGUYỄN MINH HOÀNG	CỘNG HOÀ	5.500
63	ĐƯỜNG D51	ĐƯỜNG C20	NGUYỄN THÁI BÌNH	5.500
64	ĐƯỜNG D52	ĐƯỜNG D50	CUỐI ĐƯỜNG	5.500
65	ĐẶNG MINH TRỨ	BÙI THẾ MỸ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.100
66	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	NGÔ THỊ THU MINH	NHÀ SỐ 130/9 PHẠM VĂN HAI	8.100
67	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
68	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
69	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
70	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
71	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
72	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
73	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐẶNG MINH TRỨ	5.100
74	ĐƯỜNG TỔ 46-P10	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG SỐ 1	5.100
75	BÙI THẾ MỸ	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.900
76	ĐỐNG ĐA	CỬU LONG	TIỀN GIANG	7.700
77	GIẢI PHÓNG	THĂNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	6.600
78	GÒ CẨM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN QUANG	4.400
79	HẬU GIANG	THĂNG LONG	TRƯỜNG SƠN	8.700
80	HÀ BÁ TƯỜNG	TRƯỜNG CHINH	LÊ LAI	6.600
81	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	6.600
82	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	NHÀ SỐ 1024 HIỆP NHẤT	5.700
83	HỒNG HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
84	HỒNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	VÕ THÀNH TRANG	7.900
		VÕ THÀNH TRANG	ÂU CƠ	6.600
85	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	CỐNG LỠ	3.300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
86	HOÀNG HOA THÁM	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	11.700
		CỘNG HOÀ	RANH SÂN BAY	8.100
87	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	7.300
88	HOÀNG SA	LÊ BÌNH	GIÁP RANH QUẬN 3	8.300
89	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIỀN	14.300
90	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	11.200
91	HƯNG HOÁ	CHẤN HƯNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	4.800
92	HOÀ HIỆP	HIỆP NHẤT	NHÀ 1253 HOÀ HIỆP	5.600
93	HUỲNH LAN KHANH	HẺM 28 PHAN ĐÌNH GIÓT	HẺM 64 PHỔ QUANG	10.000
94	HUỲNH TỊNH CỦA	SƠN HƯNG	NGUYỄN TỬ NHA	6.400
95	HUỲNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	3.000
96	KHAI QUANG	CHỢ NAM HOÀ	ĐẤT THÁNH	5.600
97	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	5.600
98	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	13.200
99	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	7.000
100	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
101	LÊ DUY NHUẬN (C28)	THÉP MỚI	ĐƯỜNG A4	6.600
102	LÊ LAI	TRƯỜNG CHINH	HẺM 291 TRƯỜNG CHINH	5.900
103	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHINH	HẺM 11 LÊ LAI	5.900
104	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	12.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VÂN CÔI	8.600
105	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN TỬ NHA	7.500
106	LÊ TẤN QUỐC	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	6.400
107	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	HOÀNG HOA THÁM	ĐƯỜNG A4	5.500
		ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	6.500
108	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC	6.400
109	LÊ VĂN SỸ	LĂNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	14.300
110	LỘC HƯNG	CHẤN HƯNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HƯNG	4.800
111	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HOÀ	5.300
112	LONG HƯNG	BẾN CÁT	BA GIA	6.600
113	LƯU NHÂN CHÚ	PHẠM VĂN HAI	HẺM 98 CÁCH MẠNG	4.800
114	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẢY HIỀN	TRẦN TRIỆU LUẬT	19.800
		TRẦN TRIỆU LUẬT	RANH QUẬN 10	16.100
115	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	6.200
116	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
117	NGHĨA HƯNG	HẺM TỔ 36	HẺM TỔ 28	5.300
118	NGHĨA HOÀ	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	5.300
119	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẾN CÁT	7.500
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRÂN	7.100
120	NGÔ BỆ	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC	5.500
121	NGỰ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
122	NGUYỄN BẶC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VÂN NGA	12.800
123	NGUYỄN BÁ TÒNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HƯNG	6.600
124	NGUYỄN BÁ TUYỂN (C29)	NGUYỄN MINH HOÀNH	LÊ DUY NHUẬN	6.400
125	NGUYỄN CẢNH DỊ	THĂNG LONG	NGUYỄN VĂN MẠI	6.400
126	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	TRẦN VĂN DANH	6.200
127	NGUYỄN HIẾN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	6.200
128	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	8.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
129	NGUYỄN MINH HOÀNG(C25)	HOÀNG HOA THÁM	QUÁCH VĂN TUẤN	7.000
130	NGUYỄN ĐÌNH KHƠI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	6.600
131	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHINH	KÊNH HY VỌNG	4.700
132	NGUYỄN QUANG BÍCH(B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	6.200
133	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	4.800
134	NGUYỄN THANH TUYỀN	NGUYỄN TRỌNG TUYỂN	HẺM 500 PHẠM VĂN HAI	7.700
135	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	9.900
136	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	7.300
137	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CƠ	THIÊN PHƯỚC	7.700
138	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VÂN CÔI	5.900
139	NGUYỄN TRỌNG LỘI	HẬU GIANG	HẺM 27/10 NGUYỄN VĂN	6.600
140	NGUYỄN TRỌNG TUYỂN	HẺM 413 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	12.800
141	NGUYỄN VĂN MẠI	SỐ 1 TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	7.500
142	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	19.800
143	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	6.200
144	NGUYỄN VĂN VĨNH	HẺM 27 HẬU GIANG	THĂNG LONG	6.800
145	NHẤT CHI MAI	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG C12	6.400
146	NI SƯ HUỲNH LIÊN	LẠC LONG QUÂN	HỒNG LẠC	7.000
147	NÚI THÀNH	ẤP BẮC	CỘNG HOÀ	6.600
148	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
149	PHẠM PHÚ THỨ	ĐƯỜNG BẢY HIỀN	ĐÔNG ĐEN	6.600
150	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	4.400
151	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	15.400
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	11.200
152	PHAN BÁ PHIẾN	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	7.300
153	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	6.600
154	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỔ QUANG	TRƯỜNG SƠN	9.900
155	PHAN SÀO NAM	BÀU CÁT	HỒNG LẠC	6.600
156	PHAN THÚC DUYỆN	THĂNG LONG	PHAN ĐÌNH GIÓT	9.900
157	PHAN VĂN LÂU	ĐỒ SƠN	HẺM 61 THĂNG LONG	5.100
158	PHAN VĂN SỬU	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	6.400
159	PHỔ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUÊ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	10.100
160	PHÚ HOÀ	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	14.300
161	PHÚ LỘC	BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ SỐ 61/22	4.800
162	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	6.600
163	QUẢNG HIỀN	NĂM CHÂU	SƠN HƯNG	5.700
164	SẦM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
165	SAO MAI	SỐ 147 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRÂN	6.600
		BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ THỜ SAO MAI	4.800
166	SÔNG ĐÀ	TRƯỜNG SƠN	TRÀ KHÚC	7.800
167	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
168	SÔNG NHUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
169	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐỐNG ĐA	7.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
170	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
171	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
172	SƠN HƯNG	HUỲNH TỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
173	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYỂN	LÊ VĂN SỸ	11.000
174	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	8.100
175	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	6.600
176	TÂN KỲ TÂN QUÍ	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	5.900
177	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	7.500
178	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	5.700
179	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	6.600
180	TÂN SƠN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
181	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	6.600
182	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.600
183	TÂN TIẾN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	9.400
184	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
185	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	4.200
186	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	6.400
187	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	6.600
188	TẢN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐỒNG NAI	8.300
189	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HOÀ	MAI LÃO BẠNG	6.400
190	THĂNG LONG	CỘNG HOÀ	GA HÀNG HOÁ SÂN BAY	8.800
191	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HẺM 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	6.600
192	THÉP MỚI	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THÁI BÌNH	6.400
193	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
194	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.500
195	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HOÀ	ĐÔNG HỒ	8.500
196	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	8.700
197	TỐNG VĂN HÊN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	4.100
198	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HẺM 384 CÁCH MẠNG	6.500
199	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	6.500
200	TỨ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	5.700
201	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BÀU CÁT	7.500
202	TRẦN QUỐC HOÀN	LĂNG CHA CẢ	VÀO CỔNG SÂN BAY	11.900
203	TRẦN THÁI TÔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	5.300
204	TRẦN THÁNH TÔNG	HUỲNH VĂN NGHỆ	CỐNG LỠ	4.800
205	TRẦN TRIỆU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.900
206	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	6.600
207	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
208	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	7.200
209	TRÀ KHÚC	TRƯỜNG SƠN	NHÀ SỐ 17 TRÀ KHÚC	7.800
210	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	8.800
211	TRƯƠNG HOÀNG THANH	NGUYỄN THÁI BÌNH	HẺM 138/G3	6.900
212	TRƯỜNG CHINH	NGÃ 4 BẢY HIỀN	NGÃ 3 BÀ QUẸO	13.200
		NGÃ 3 BÀ QUẸO	CẦU THAM LƯƠNG	10.600
213	TRƯỜNG SA	ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	8.300
214	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
215	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	6.200
216	ÚT TỊCH	CỘNG HOÀ	LÊ BÌNH	8.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
217	VÂN CÔI	BÀNH VĂN TRÂN	NGHĨA PHÁT	6.400
218	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	TRẦNG VĂN DANH	6.200
219	TÂN SƠN	PHẠM VĂN BẠCH	QUANG TRUNG - GÒ VẤP	4.400
220	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIỆT	HỒNG LẠC	6.600
221	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	14.100
222	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHINH	XUÂN DIỆU	14.100
223	YÊN THẾ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	KÊNH NHẬT BẢN	6.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ